

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 5 năm 2023
“V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trí, ông Võ Lâm Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: 66B2, tuyến dân cư khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày, giữa bà A và ông Nguyễn Thanh B do tự tìm hiểu, đi đến hôn nhân năm 2000, không tổ chức lễ cưới, khi kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Trong giai đoạn sống chung, hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống do: ông B ăn nhậu, gây nợ; nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Vì thế, giữa bà với ông B có thời gian tự sống ly

thân khoảng 01 năm nay. Nhận thấy, tình cảm không còn nên bà đề nghị ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh ngày 17/8/2001 đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 30/5/2009 hiện do bà A nuôi dưỡng, khi ly hôn bà A đề nghị nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim A, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Thanh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt; Bị đơn ông B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A với ông Nguyễn Thanh B;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 30/5/2009 cho bà Nguyễn Thị Kim A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu C đã thành niên nên không đề cập xem xét; ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét, quyết định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B, ông B cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới theo biên bản xác minh của cán bộ Tòa án, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà A, ông B đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, Cng bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thống nhất, xét xử vắng mặt bà A, ông B theo quy định pháp luật tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Thanh B kết hôn do tự tìm hiểu, hôn nhân không bị ép buộc hoàn toàn tự nguyện, bà A và ông B có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà A khẳng định không còn tình cảm với ông B, do cả hai có nhiều mâu thuẫn, ông B thường xuyên ăn nhậu, bà và ông B có thời gian không còn chung sống hơn 01 năm nay.

Xét thấy, hôn nhân là trên cơ sở sự thấu hiểu nhau, gần gũi chia sẻ giữa vợ và chồng, Cng giữa bà A với ông B đã không còn sự chia sẻ, thường xuyên có những bất đồng, bà A cũng không còn tình cảm, nên việc xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B, Cng ông B không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà A, ông B đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Do vậy, hôn nhân giữa bà A và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh ngày 17/8/2001 đã thành niên, nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 30/5/2009, bà A đề nghị nuôi cháu D phù hợp với nguyện vọng con chung, ông B không có ý kiến về việc nuôi con chung, nên việc bà A đề nghị nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất, cháu C đã thành niên nên không đề cập xem xét, đối với cháu D do để đảm bảo cuộc sống cho cháu D, nên giao cháu D cho bà A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà A không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà A xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 228, 238, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A; bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B. Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2012, quyển số 01, ngày 21 tháng 3 năm 2012 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Thanh B, không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh ngày 17/8/2001 đã thành niên, nên không xem xét, quyết định; cháu Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 30/5/2009 tiếp tục giao cho bà A chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Kim A cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Thanh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà A không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

4. Về nợ chung: Bà A không có yêu cầu, nên không đề cập xem xét, quyết định.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Cng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013318 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 3 năm 2023; bà Nguyễn Thị Kim A đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên